

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày 24/7/2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Mạnh Thắng và bà Lê Thị Thanh Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 76/2025/TLST-HN&GD ngày 09 tháng 4 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2025; theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lường Văn D; sinh năm: 1991; địa chỉ: Bản C, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên (Nay là bản Che Phai I, xã C, tỉnh Điện Biên). Vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Lò Thị P; sinh năm: 1993; địa chỉ: Bản C, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là bản Che Phai II, xã C, tỉnh Điện Biên); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 4 năm 2025 và Biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lường Văn D và chị Lò Thị P đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 28 tháng 02 năm 2012. Sau khi kết hôn sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Đến cuối năm 2013, đã sống ly thân với nhau cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân không liên lạc nữa, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến nay anh D không còn tình cảm với chị P, vì vậy anh D yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh D được ly hôn với chị Lò Thị P.

Về con chung: Anh Lường Văn D và chị Lò Thị P có 01 người con chung là Lường Văn K; sinh ngày 15/02/2011. Khi ly hôn anh D nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ phải trả, nợ thu về: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Lò Thị P. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị P vắng mặt. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị P. Chị P không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh của Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lường Văn D, cho anh Lường Văn D ly hôn với chị Lò Thị P; giao con chung là Lường Văn K; sinh ngày 15/02/2011 cho anh Lường Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động; Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 24, điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh D là người dân tộc thiểu số; sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện: Xét đơn khởi kiện của anh Lường Văn D xin ly hôn với chị Lò Thị P; thì được xác định đây là vụ án ly hôn theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Thẩm quyền giải quyết: Thời điểm anh D nộp đơn khởi kiện, chị P có nơi ĐKTT tại bản Che Phai II, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là bản Che Phai II, xã C, tỉnh Điện Biên); nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 Nghị quyết Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự đúng theo quy định Điều 174; Điều 175; Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 08/7/2025, anh D có mặt và chị P vắng mặt; nên Tòa án đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 24/7/2025, anh D có đơn xin vắng mặt và chị P vắng mặt không có lý do; nên Tòa án căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành mở phiên tòa vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Văn D và chị Lò Thị P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T (N là xã C, tỉnh Điện Biên) vào ngày 28 tháng 02 năm 2012; kết hôn tự nguyện, không ai ép buộc, thực hiện đăng ký kết hôn theo đúng trình tự quy định của Luật Hôn nhân & gia đình; vì vậy hôn nhân của anh D và chị P là hôn nhân hợp pháp.

Xét về yêu cầu giải quyết ly hôn thì thấy: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo để thực hiện việc hòa giải cho các đương sự quay về đoàn tụ, nhưng chị P không có mặt để tiến hành hòa giải, do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho anh D và chị P quay về đoàn tụ. Xét thấy trong hôn nhân anh D và chị P đã có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách bất đồng, thiếu sự tin tưởng quan tâm đến nhau và đã sống ly thân với nhau từ năm 2013 cho đến nay; lời trình bày của đương sự hoàn toàn phù hợp với kết quả xác minh ở chính quyền địa phương tại biên bản ngày 20/5/2025. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống hôn nhân giữa anh D và chị P đã có mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; bởi vậy yêu cầu xin ly hôn của anh D là có căn cứ và đúng với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lương Văn D.

[3]

Về con chung: Anh Lương Văn D và chị Lò Thị P có 01 con chung là: Lương Văn K; sinh ngày 15/02/2011, hiện cháu K đang ở ổn định cùng anh D. Anh D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động; cháu Lương Văn K có nguyện vọng được ở cùng với anh D; chị P không có ý kiến về việc nuôi con. Xét thấy nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của anh D là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương về điều kiện nuôi dưỡng con của anh D là đảm bảo, anh D ngoài làm nông nghiệp còn đi làm thuê những lúc nông nhàn nên thu nhập ổn định; anh D cũng đảm bảo nơi ở ổn định cho con. Do đó để đảm bảo về mọi mặt cho con chung của anh D và chị P có cuộc sống ổn định, không bị xáo trộn, có điều kiện phát triển tốt nhất về cả thể chất lẫn tinh thần; HĐXX căn cứ vào các Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận về yêu cầu giao nuôi con chung của anh D. Việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh D, xét thấy không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của con chung, nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ phải trả, nợ thu về: Không có.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 24, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; anh D sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên thuộc trường hợp được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Hiện B đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Khoản 1 Điều 24, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lường Văn D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lường Văn D được ly hôn với chị Lò Thị P.

2. Về con chung: Giao cho anh Lường Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung Lường Văn K; sinh ngày 15/02/2011 cho đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn anh Lường Văn D có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Chị Lò Thị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Lò Thị P thực hiện quyền này.

Anh Lường Văn D và chị Lò Thị P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ phải trả, nợ thu về: Không có.

4. Về án phí: Anh Lường Văn D được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Lường Văn D và chị Lò Thị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- Phòng Thanh tra, kiểm tra và THA;
- VKSND Khu vực 3 - Điện Biên;
- Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- Dương sự;
- UBND xã Chiềng Sinh;
- Lưu.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN CỦA HĐXX

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Mạnh Thắng Lê Thị Thanh Thùy

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN CỦA HĐXX

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý A Thu

Trịnh Quyết Thắng

Lương Thị Nga

